

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về phương án phân bổ đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh
lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030

Tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 27 ngày 11/7/2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thống nhất quyết nghị:

1. Số lượng đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030 là 358 đại biểu, trong đó:

- Đại biểu đương nhiên: 44 đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Đại biểu giới thiệu bầu, chỉ định từ các đảng bộ trực thuộc tỉnh là 314 đại biểu, trong đó: 02 đảng bộ đại hội 04 nội dung (Quân sự tỉnh, Công an tỉnh) thực hiện bầu đại biểu tại đại hội; 47 đảng bộ đại hội 02 nội dung (Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ UBND tỉnh và 45 đảng bộ xã, phường) được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030.

2. Cơ cấu đại biểu

2.1. Cơ cấu ngành, lĩnh vực

- Công tác Đảng, chiếm khoảng 49%, là đại biểu ở các cơ quan Đảng gồm: Thường trực cấp ủy các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Công tác chính quyền, chiếm khoảng 33%, là đại biểu thường trực HĐND, lãnh đạo UBND cấp tỉnh, cấp xã, phường; đại diện các sở, ngành cấp tỉnh; lãnh đạo phòng, ban cấp xã, phường.

- Công tác đoàn thể, chiếm khoảng 10%, là đại biểu công tác ở cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội cấp tỉnh, cấp xã, phường.

- Lực lượng vũ trang, nội chính, chiếm khoảng 7%, là đại biểu đại diện lực lượng vũ trang thuộc: Đảng bộ Công an tỉnh, Quân sự tỉnh (gồm cả lực lượng Biên phòng), Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

- Cơ cấu đại biểu tiêu biểu: Đảng viên đang công tác tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đảng viên là người đồng bào dân tộc thiểu số tham gia sinh hoạt tôn giáo đã được Nhà nước công nhận; đảng viên đại diện Hội người cao tuổi, người già có uy tín.

2.2. Cơ cấu dân tộc, giới tính, tuổi trẻ

- Cơ cấu dân tộc: Đại biểu là người dân tộc thiểu số, chiếm từ 40% trở lên trên tổng số đại biểu chính thức dự đại hội (cơ cấu hài hòa các dân tộc theo số lượng đảng viên của từng dân tộc).

- Cơ cấu nữ: Đại biểu nữ, chiếm từ 15% trở lên trên tổng số đại biểu chính thức dự đại hội.

- Cơ cấu đại biểu tuổi trẻ: Đại biểu dưới 42 tuổi, chiếm từ 15% trở lên trên tổng số đại biểu chính thức dự đại hội.

3. Phân bổ đại biểu

3.1. Đại biểu đương nhiên: 44 đại biểu là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2020-2025. Trường hợp đến trước thời điểm đại hội số đại biểu đương nhiên thay đổi sẽ điều chỉnh sau.

3.2. Phân bổ theo bình quân cho mỗi đảng bộ trực thuộc tỉnh: Tổng số 245 đại biểu, bình quân mỗi đảng bộ 05 đại biểu, trên tổng số 49 đảng bộ.

3.3. Phân bổ tăng thêm theo tính chất đặc thù: Tổng số 29 đại biểu, trong đó: Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh tăng thêm 08 đại biểu, Đảng bộ UBND tỉnh tăng thêm 09 đại biểu (là đảng bộ có nhiều tổ chức đảng, ban, sở ngành tỉnh); Đảng bộ Công an tỉnh tăng thêm 05 đại biểu (là đảng bộ có nhiều đơn vị trực thuộc sau khi thực hiện sáp nhập); Đảng bộ Quân sự tỉnh tăng thêm 05 đại biểu (do kết thúc hoạt động Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh, chuyển giao về trực thuộc Đảng bộ Quân sự tỉnh); Đảng bộ xã Mường Luân tăng thêm 01 đại biểu (Đảng viên đại diện người đồng bào dân tộc thiểu số tham gia sinh hoạt tôn giáo đã được Nhà nước công nhận); Đảng bộ xã Mường Pồn tăng thêm 01 đại biểu (Đảng viên đại diện dân tộc ít người là đại biểu Quốc hội).

3.4. Phân bổ tăng thêm theo tỷ lệ đảng viên 40 đại biểu: Bình quân đảng bộ có từ 700 đảng viên trở lên được phân bổ thêm 01 đại biểu; số đại biểu còn dư (nếu còn), tiếp tục tăng thêm cho đảng bộ có đảng viên đông hơn từ cao xuống thấp.

(có biểu phân bổ chi tiết kèm theo)

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Giao Thường trực Tỉnh ủy: Điều chỉnh số lượng, cơ cấu đại biểu phân bổ trong trường hợp đến trước thời điểm đại hội số đại biểu đương nhiên thay đổi.

4.2. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Căn cứ phương án phân bổ đại biểu được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thông qua; thực hiện việc thông báo số lượng, cơ cấu đại biểu đến các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; đồng thời, hướng dẫn các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030 theo quy định.

4.3. Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy: Căn cứ số lượng, cơ cấu đại biểu được phân bổ, thực hiện đầy đủ quy trình giới thiệu nhân sự đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV theo quy định.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương,
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh,
- Đảng ủy UBND tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh,
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(để báo cáo),

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Trần Quốc Cường

**BIỂU PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ
ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XV, NHIỆM KỲ 2025-2030**

(kèm theo Nghị quyết số NQ/TU, ngày 11/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

TT	Tên đảng bộ	Tổng số đảng viên	Phương án phân bổ đại biểu					Ghi chú
			Tổng số đại biểu chính thức	Đại biểu đương nhiên	Phân bổ theo đầu mối	Phân bổ tăng thêm (đặc thù)	Phân bổ tăng thêm (tỷ lệ đảng viên)	
1	Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh	833	37	23	5	8	1	
2	Đảng bộ UBND tỉnh	5.560	32	14	5	9	4	
3	Đảng bộ Quân sự tỉnh	1.357	13	1	5	5	2	
4	Đảng bộ Công an tỉnh	1.426	12	-	5	5	2	
5	Đảng bộ phường Điện Biên Phủ	5.111	10	1	5	-	4	
6	Đảng bộ phường Mường Thanh	1.768	8	1	5	-	2	
7	Đảng bộ phường Mường Lay	1.318	7	-	5	-	2	
8	Đảng bộ xã Mường Nhé	1.032	6	-	5	-	1	
9	Đảng bộ xã Sín Thầu	552	6	1	5	-	-	
10	Đảng bộ xã Mường Toong	426	5	-	5	-	-	
11	Đảng bộ xã Nậm Kè	415	5	-	5	-	-	
12	Đảng bộ xã Quảng Lâm	370	5	-	5	-	-	
13	Đảng bộ xã Mường Chà	857	6	-	5	-	1	
14	Đảng bộ xã Nà Hỳ	738	6	-	5	-	1	
15	Đảng bộ xã Nà Búng	322	5	-	5	-	-	
16	Đảng bộ xã Chà Tở	414	5	-	5	-	-	
17	Đảng bộ xã Si Pa Phìn	493	5	-	5	-	-	
18	Đảng bộ xã Na Sang	1.139	7	1	5	-	1	
19	Đảng bộ xã Mường Tùng	588	5	-	5	-	-	
20	Đảng bộ xã Pa Ham	464	5	-	5	-	-	
21	Đảng bộ xã Nậm Nèn	489	5	-	5	-	-	
22	Đảng bộ xã Mường Pồn	620	6	-	5	1	-	
23	Đảng bộ xã Tòa Chùa	1.348	8	1	5	-	2	
24	Đảng bộ xã Sín Chải	616	5	-	5	-	-	
25	Đảng bộ xã Sính Phình	903	6	-	5	-	1	
26	Đảng bộ xã Tòa Thàng	517	5	-	5	-	-	

TT	Tên đảng bộ	Tổng số đảng viên	Phương án phân bổ đại biểu					Ghi chú
			Tổng số đại biểu chính thức	Đại biểu đương nhiên	Phân bổ theo đầu mối	Phân bổ tăng thêm (đặc thù)	Phân bổ tăng thêm (tỷ lệ đảng viên)	
27	Đảng bộ xã Sáng Nhè	950	6	-	5	-	1	
28	Đảng bộ xã Tuần Giáo	1.480	8	1	5	-	2	
29	Đảng bộ xã Quài Tở	842	6	-	5	-	1	
30	Đảng bộ xã Mường Mùn	642	5	-	5	-	-	
31	Đảng bộ xã Pú Nhung	624	5	-	5	-	-	
32	Đảng bộ xã Chiềng Sinh	838	6	-	5	-	1	
33	Đảng bộ xã Mường Ảng	1.130	6	-	5	-	1	
34	Đảng bộ xã Nà Tấu	933	6	-	5	-	1	
35	Đảng bộ xã Búng Lao	968	6	-	5	-	1	
36	Đảng bộ xã Mường Lạn	831	6	-	5	-	1	
37	Đảng bộ xã Mường Phăng	1.051	6	-	5	-	1	
38	Đảng bộ xã Thanh Nưa	1.722	7	-	5	-	2	
39	Đảng bộ xã Thanh An	1.194	6	-	5	-	1	
40	Đảng bộ xã Thanh Yên	784	6	-	5	-	1	
41	Đảng bộ xã Sam Mún	508	5	-	5	-	-	
42	Đảng bộ xã Núa Ngam	579	5	-	5	-	-	
43	Đảng bộ xã Mường Nhà	695	5	-	5	-	-	
44	Đảng bộ xã Na Son	847	6	-	5	-	1	
45	Đảng bộ xã Xa Dung	625	5	-	5	-	-	
46	Đảng bộ xã Pu Nhi	578	5	-	5	-	-	
47	Đảng bộ xã Mường Luân	1.141	7	-	5	1	1	
48	Đảng bộ xã Tìia Dình	384	5	-	5	-	-	
49	Đảng bộ xã Phình Giàng	422	5	-	5	-	-	
	TỔNG CỘNG	49.444	358	44	245	29	40	